TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số: 51/2024/DS -ST
Ngày: 24/5/2024
(*V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Nga.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Thanh Trúc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2023/TLST-DS ngày 27/12/2023 về việc " *Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-DS ngày 01/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: 266 - B N, phường H, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thái H, chuyên viên quản lý nợ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mười N, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: khu phố H, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Mười N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27/12/2022, bà Nguyễn Thị Mười N có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 472074-1025 và 211251-4680 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng, Mục đích: tiêu dùng, Lãi suất: 2.76%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Mười N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.600.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 2.343.384 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Mười N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 246.762 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, bà Mười N còn có khoản vay tiêu dùng thẻ là 45.000.000 đồng (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp), dư nợ của khoản vay này là 52.981.990 đồng. Tính đến ngày 27/11/2023, bà Nguyễn Thị Mười N còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 59.678.612 đồng, trong đó nợ gốc 52.912.528 đồng, nợ lãi 6.766.084 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Mười N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Mười N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/6/2023, Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù, Ngân hàng TMCP S đã yêu cầu bà Mười N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Mười N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mười N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 65.278.118 đồng, trong đó nợ gốc 52.912.528 đồng, nợ lãi 6.766.084 đồng

2. Bà Nguyễn Thị Mười N có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/11/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

3. Bị đơn phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Mười N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 67.629.792 đồng, trong đó nợ gốc 52.912.528 đồng, nợ lãi 14.717.264 đồng tính đến ngày 24/5/2024 và lãi phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Mười N có hộ khẩu thường trú tại khu phố H, phường B, thành phố P, do bà Mười N thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Mười N có hộ khẩu thường trú tại khu phố H, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Mười N vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Mười N quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp nhận thấy:

Vào ngày 27/12/2022, bà Nguyễn Thị Mười N có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074-1025 và 211251- 4680 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng, Mục đích: tiêu dùng, Lãi suất: 2.76%/tháng; lãi suất quá hạn là 4,149%/tháng (2,766%/tháng x 150%). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Mười N đã thực hiện giao dịch với số tiền là 4.600.000 đồng (số thẻ 472074-1025) và 45.000.000 đồng (số thẻ 211251- 4680). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Mười N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 246.762 đồng, đến ngày 25/6/2023, bà Mười N không thanh toán cho Ngân hàng nữa nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn nợ sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Như vậy, tính đến ngày 24/5/2024, bà Mười N chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 67.629.792 đồng, trong đó tiền gốc là 52.912.528 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/5/2024 là 14.717.264 đồng. Xét thấy, bà Mười N đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng vào ngày 27/12/2022, tại phần cam kết của Giấy đề nghị bà N đã xác nhận bà đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, ràng buộc về mặt pháp lý giữa bà với Ngân

hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bà chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng bà được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mười N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại mục 2, mục 18, mục 19, mục 23 và mục 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 27/12/2022 nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mười N phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc còn lại là 52.912.528 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/5/2024 là 14.717.264 đồng và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 25/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Mười N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;
- Luật ngân hàng N1;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc bà Nguyễn Thị Mười N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 67.629.792 đồng (trong đó tiền gốc là 52.912.528 đồng, tiền lãi tính đến ngày 24/5/2024 là 14.717.264 đồng) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 25/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/12/2022 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP S.

3/Về án phí: bà Nguyễn Thị Mười N phải nộp 3.381.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.492.000 đồng tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001112 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai có mặt đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2024), của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà